

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày: 22-5-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

Ông Võ Hoàng Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2024/TLST-HS, ngày 25 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2024/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: BT), sinh ngày 03 tháng 8 năm 1990 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: Ấp P1, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; có vợ là bà Đồng Thị Yến P, sinh năm 1997 và có 02 con. Người con thứ nhất sinh năm 2017, người con thứ hai sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 09/2011/HS-ST, ngày 27/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2013, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 10/3/2011. Đã được xóa án tích; bị bắt ngày 16/12/2023 theo Quyết định truy nã số 03/QĐTN, ngày 17/4/2023. Chuyển tạm giam ngày 18/12/2023 theo Lệnh tạm giam số 157/LTG của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị hại: Ông Phạm Văn Võ Q1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Minh H (tên gọi khác: T1), sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp B1, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Anh Q2 (tên gọi khác: T2), sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp B1, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, Cục C10 – Bộ Công an (Vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 04/08/2022, ông Nguyễn Minh H và người bạn tên T3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi ăn sáng, trên đường về ông H nhìn thấy ông Phạm Văn Võ Q1 cũng đang điều khiển xe mô tô đi cùng đường nhưng nghĩ rằng ông Q1 đuổi theo mình để đánh vì trước đó giữa ông H và ông Q1 có mâu thuẫn với nhau về tiền nên ông H điều khiển xe mô tô chở theo T3 bỏ chạy về cửa hàng cầm đồ “MD” của gia đình mình thuộc ấp B2, xã B, huyện X. Tại đây, ông H gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T (là em họ của mình) nói rõ sự việc, lúc này T đang ngồi uống nước với người thanh niên tên C (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại Căng cá thuộc xã B, huyện X nên khi nghe vậy thì T đã cùng với C đi đến cửa hàng cầm đồ “MD” để gặp ông H. Khi gặp ông H và được ông H rủ đi tìm đánh ông Q1 để trả thù thì T, C và T3 cùng đồng ý nên ông H đã gọi điện thoại cho em ruột của mình là ông Nguyễn Anh Q2 để nhờ ông Q2 mua giúp 05 chiếc (cây, cái, con) dao với mục đích mang theo khi đi tìm ông Q1 để trả thù. Sau khi nghe điện thoại, ông Q2 đã đồng ý và đi đến cửa hàng tạp hóa “CC” của ông Trương Đình T4 thuộc ấp B2, xã B để mua nhưng do cửa hàng chỉ còn 04 chiếc dao loại mà ông H nhờ mua nên ông Q2 đã mua 04 chiếc dao với giá 80.000 đồng. Mua xong, ông Q2 mang dao về chỗ ông H để trên mặt bàn thì ông H, T3 và T mỗi người tự lấy 01 dao, ông Q2 giữ lại 01 dao, riêng C đã có 01 dao mang theo từ trước.

Sau đó, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu Xanh-Đen, biển số 72L4-42.. của ông H để chở ông H; T3 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở T đi tìm ông Q1 còn ông Q2 ở lại đóng cửa hàng cầm đồ rồi chở theo 01 người thanh niên tên C1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi sau. Khi cả nhóm 04 người (gồm: H, C, T3 và T) đến ấp L, xã B, huyện X nhìn thấy ông Q1 ngoắc tay (giơ tay lên ra hiệu) để khiêu khích thì cả nhóm quay xe lại và đuổi theo. Khi đuổi theo, thấy ông Q1 đi rẽ vào gia đình nhà ông Lê Minh H1 và bà Phạm Thị Bích L thuộc ấp L, xã B, huyện X rồi bỏ chạy vào khu phòng bếp nên T xuống xe, tay cầm dao chạy đuổi theo ông Q1 nhưng khi đến cổng nhà ông H1 và bà L, T thấy C rút dao trong người ra chạy đuổi theo ông Q1 vào phía trong nhà thì T không vào nữa mà đứng chặn ngoài sân cùng T3 còn ông H quay ra xe phía trước cổng nhà ông H1 và bà L đứng chờ. Tại đây, C sử dụng dao mang theo đâm 01 nhát vào bắp tay trái và 01 nhát vào đầu gối phải của ông Q1 gây thương tích. Do thấy ông Q1 chảy nhiều máu và chống trả quyết liệt nên C, T3 và T bỏ chạy ra ngoài. Thấy vậy, ông Q1 chạy vào phòng bếp lấy 02 dao cầm trên hai tay và quay ra

thì T cùng cả nhóm điều khiển xe mô tô nhanh chóng rời đi. Cùng lúc, ông Q2 chờ theo C1 cũng vừa tới nhưng thấy cả nhóm đã gây thương tích cho ông Q1 xong nên quay xe cùng bỏ chạy về nhà để cất giấu dao, bàn bạc tìm cách trốn khỏi địa phương. Ông Q1 được người dân đưa đi cấp cứu, điều trị đến ngày 09/8/2022 thì ra viện.

Sau khi tiếp nhận tin báo của nhân dân về việc có dấu hiệu tội phạm, Công an xã B, huyện X đã tiến hành lập biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; vẽ sơ đồ nơi xảy ra vụ việc và tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu (Bl 45-69). Ngày 10/8/2022, ông Phạm Văn Võ Q1 có đơn yêu cầu giám định tỷ lệ thương tật và khởi tố vụ án hình sự gửi đến Công an huyện X đề nghị giải quyết (Bl 152). Ngày 19/8/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (viết tắt là: Cơ quan Cảnh sát Điều tra) đã tiếp nhận tin báo về tội phạm của Công an xã B, huyện X chuyển đến (Bl 03). Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung trên và tiếp nhận toàn bộ hồ sơ, đồ vật, tài liệu để xử lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành lập biên bản nhận dạng (có bản ảnh nhận dạng), thu thập dữ liệu điện tử bằng hình ảnh để nhận dạng (Bl 72-83); Thông báo truy tìm vật chứng và ra Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) dao dài 30cm, cán bằng nhựa màu đen dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 18,5cm, bản rộng 3,7cm, trên dao có nhiều dấu vết màu nâu đỏ (nghỉ là máu); 01 (một) dao Thái Lan dài 21,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5cm, bản rộng 1,9cm, mũi nhọn, trên dao có nhiều dấu vết màu nâu đỏ (nghỉ là máu); 01 (một) USB bên trên có dòng chữ Kingston, DT 101 G2, màu xanh; 01 (một) dao Thái Lan dài 21,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5cm, mũi nhọn; 01 (một) dao Thái Lan dài 22,5cm, cán bằng nhựa màu vàng phía trên có chữ KIWI-BRAND-MADE IN THAILAND dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5cm; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 72L4-42..., số khung 9037Y2762..., số máy C09E53763..., tình trạng xe không gương, không bửng và đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 413/TgT, ngày 18/11/2022 (kèm bản ảnh) của Trung tâm Pháp Y – Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Bl 53-57), mục IV. Phần kết luận ghi:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 02 sẹo trung bình.

- 01 nhỏ.

- Vết thương mạch máu lớn (động mạch cánh tay), đã phẫu thuật ghép mạch máu, kết quả tốt, không có biểu hiện tắc mạch. Không thấy tổn thương thần kinh trụ.

2. Về vật gây thương tích, chiều hướng gây ra thương tích:

- Thương tích 1: Khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng sắc nhọn, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trái sang phải, từ trước ra sau.

- Thương tích 2: Khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng sắc nhọn, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trước ra sau.

3. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng – Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là: 13%.

- Thương tích 1: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%.
- Thương tích 2: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.

Trên cơ sở kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã khởi tố đối với Nguyễn Minh H, Nguyễn Anh Q2 và Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, sau khi bị khởi tố thì Nguyễn Văn T đã bỏ trốn nhưng do thời hạn tạm giam đối với H và Q2 đã hết, hành vi phạm tội của H và Q2 đã rõ nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra căn cứ vào Điều 36 và Điều 170 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đã ra quyết định tách vụ án hình sự số 02/QĐ, ngày 15/3/2023 để xử lý trước đối với H và Q2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST, ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện X đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Minh H 30 tháng tù và bị cáo Nguyễn Anh Q2 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Đồng thời, tuyên về án phí, trách nhiệm dân sự và xử lý một số vật chứng có liên quan. Đến ngày 16/12/2023, bắt được bị can Nguyễn Văn T theo lệnh truy nã nên tiếp tục đề nghị xử lý đối với bị can T, tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra bị can đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên. Đối với 03 người thanh niên tên C, T3 và C1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đang bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa làm việc được nên chưa đủ căn cứ để khởi tố bị can với 03 người này. Đến nay, vẫn đang điều tra để làm rõ và xử lý sau theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-XM, ngày 25/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 16/12/2023).

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại yêu cầu 05 người phải có nghĩa vụ bồi thường gồm: Bị cáo H, bị cáo Q2, bị can T và 02 người thanh niên tên T3, C (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với tổng số tiền là 78.470.000 đồng (trong đó: Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của bị hại; chi phí cho người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị là 32.970.000 đồng. Thu nhập thực tế bị mất, giảm sút là 45.500.000 đồng). Tuy nhiên, bị cáo H và bị cáo Q2 đã bồi thường cho bị hại được tổng số tiền là 50.000.000 đồng, còn lại số tiền 28.470.000 đồng (bao gồm tất cả các khoản). Bị hại yêu cầu bị cáo T cùng 02 người thanh niên tên T3 và C phải có trách nhiệm, nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 28.470.000 đồng nhưng sau đó giữa bị hại Q1 và bị cáo T đã tự nguyện thỏa thuận, theo đó bị cáo T đồng ý một mình bồi thường cho bị hại Q1 số tiền 28.000.000 đồng, ông Q1 đã nhận đủ số tiền 28.000.000 đồng từ gia đình bị cáo. Như vậy, trách nhiệm dân sự đã được thực hiện xong nên không

xem xét, giải quyết gì thêm.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với: 01 (một) dao dài 30cm, cán bằng nhựa màu đen dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 18,5cm, bản rộng 3,7cm, trên dao có nhiều dấu vết màu nâu đỏ (nghĩ là máu); 01 (một) dao Thái Lan dài 21,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5cm, bản rộng 1,9cm, mũi nhọn, trên dao có nhiều dấu vết màu nâu đỏ (nghĩ là máu); 01 (một) dao Thái Lan dài 21,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5cm, mũi nhọn; 01 (một) dao Thái Lan dài 22,5cm, cán bằng nhựa màu vàng phía trên có chữ KIWI-BRAND-MADE IN THAILAND dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5cm; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu Xanh-Đen, biển số 72L4-42..., số khung 9037Y2762..., số máy C09E 53763... và 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có chứa 01 (một) USB Kingston, DT 101 G2, màu xanh.

(Tất cả các vật chứng này đã được xem xét, giải quyết và xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST, ngày 09/6/2023).

- Đối với: 01 (một) dao Thái Lan dài khoảng 20cm, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại do T sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội. Trong quá trình bỏ trốn, T đã vứt bỏ, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng đến nay không tạm giữ được nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra đã nhận thức được hành vi thực hiện là vi phạm pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và không bào chữa, tranh luận.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng vẫn giữ nguyên nội dung đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, ngoài lời khai có trong hồ sơ vụ án thì không ai có ý kiến bổ sung gì thêm.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 09 giờ ngày 04/08/2022, ông Nguyễn Minh H và người bạn tên T3 đi ăn sáng, trên đường về ông H nhìn thấy ông Phạm Văn Võ Q1 cũng đang điều khiển xe mô tô đi cùng đường nhưng nghĩ rằng ông Q1 đuổi theo mình để gây sự (gây chuyện cãi nhau hoặc đánh nhau) nên ông H điều khiển xe mô tô chở theo T3 bỏ chạy về cửa hàng cầm đồ “MD” của gia đình tại ấp B2, xã B, huyện X. Tại đây, ông Hoàng rủ Nguyễn

Văn T (BT), C và T3 đi đánh ông Q1 để trả thù thì tất cả đồng ý. Sau đó, ông H gọi điện thoại cho em ruột của mình là ông Nguyễn Anh Q2 (T2) để nhờ ông Q2 mua giúp 05 chiếc dao với mục đích mang theo khi đi tìm ông Q1. Ông Q2 đồng ý nhưng chỉ mua được 04 chiếc dao với giá 80.000 đồng. Mua xong, ông Q2 mang dao về chỗ ông H để trên mặt bàn thì ông H, T3 và T mỗi người tự lấy 01 dao, ông Q2 giữ lại 01 dao, riêng C đã có 01 dao mang theo từ trước. Sau khi chuẩn bị xong, C điều khiển xe mô tô biển số 72L4-42.. của ông H để chở ông H; T3 điều khiển xe mô tô chở T đi tìm ông Q1 còn ông Q2 ở lại đóng cửa hàng cầm đồ rồi chờ theo 01 người thanh niên tên C1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi sau. Khi cả nhóm 04 người (gồm: H, C, T3 và T) đi đến ấp L, xã B, huyện X nhìn thấy ông Q1 ngoắc tay (giơ tay lên ra hiệu) để khiêu khích thì cả nhóm quay xe lại và đuổi theo. Khi đuổi theo, thấy ông Q1 đi rẽ vào gia đình nhà ông Lê Minh H1 và bà Phạm Thị Bích L thuộc ấp L, xã B, huyện X rồi bỏ chạy vào khu phòng bếp nên T xuống xe, tay cầm dao chạy đuổi theo ông Q1 nhưng khi đến cổng nhà ông H1 và bà L, T thấy C rút dao trong người ra chạy đuổi theo ông Q1 vào phía trong nhà thì T không vào nữa mà đứng chặn ngoài sân cùng T3 còn ông H quay ra xe phía trước cổng nhà ông H1 và bà L đứng chờ. Tại đây, C sử dụng dao mang theo đâm 01 nhát vào bắp tay trái và 01 nhát vào đầu gối phải của ông Q1 gây thương tích. Do thấy ông Q1 chảy nhiều máu và chóng trả quyết liệt nên C, T3 và T bỏ chạy ra ngoài. Thấy vậy, ông Q1 chạy vào phòng bếp lấy 02 dao cầm trên hai tay và quay ra thì T cùng cả nhóm điều khiển xe mô tô nhanh chóng rời đi. Cùng lúc, ông Q2 chờ theo C1 cũng vừa tới nhưng thấy cả nhóm đã gây thương tích cho ông Q1 xong nên quay xe cùng bỏ chạy về nhà để cất giấu dao, bàn bạc tìm cách trốn khỏi địa phương. Ông Q1 được người dân đưa đi cấp cứu, điều trị đến ngày 09/8/2022 thì ra viện.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, của các bị cáo đã bị xét xử trước đây, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, với sơ đồ nơi xảy ra vụ việc, với biên bản nhận dạng (kèm bản ảnh nhận dạng) và với dữ liệu điện tử bằng hình ảnh để nhận dạng; phù hợp với Bản kết luận giám định pháp y về thương tích, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của bị hại là 13% (mười ba phần trăm). Về vật gây thương tích, chiều hướng gây ra thương tích cụ thể: Thương tích 1, khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng sắc nhọn, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trái sang phải, từ trước ra sau; Thương tích 2, khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng sắc nhọn, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trước ra sau.

Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe của con người nhưng với bản tính hung hăng, liều lĩnh, coi thường những quy tắc trong cuộc sống, bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật và lợi dụng sự yếu thế của bị hại cùng nhau giúp sức, tạo điều kiện tinh thần cho các đồng phạm khác, cố ý xâm phạm sức khỏe của bị hại bằng cách dùng phương tiện nguy hiểm tác động trực tiếp đến cơ thể bị hại, chỉ đến khi bị hại chống trả quyết liệt thì bị cáo và đồng phạm mới dừng lại và nhanh chóng rời đi.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng nên có cơ sở xác định, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện X truy tố bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi bị bắt đã tác động đến người thân trong gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả đủ số tiền theo yêu cầu của bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vụ án có nhiều người tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa có sự bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ nên chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Sau khi khởi tố vụ án, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã làm rõ được vai trò của bị cáo H và bị cáo Q1 nên tách riêng để xử lý trước (bị cáo H và bị cáo Q2 đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST, ngày 09/6/2023). Do thời hạn điều tra đã hết nhưng một số đối tượng liên quan khác còn bỏ trốn chưa bắt được, chưa làm sáng tỏ được hành vi phạm tội nên tiếp tục xác minh, điều tra, làm rõ và xử lý sau, riêng hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục đề nghị xử lý đối với bị cáo. Xuất phát từ mâu thuẫn giữa ông Q1 và ông H nên khi được ông H xúi giục, dụ dỗ thì bị cáo hăng hái tham gia ngay thay vì phải can ngăn, phân tích điều hay lẽ phải và hướng giải quyết mâu thuẫn theo chuẩn mực chung của xã hội. Cho đến nay, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã và đang làm rõ vai trò của các đồng phạm khác đồng thời cũng xác định bản thân bị cáo đã nhận thức được đầy đủ cả về lí trí và ý chí về việc tham gia cùng các đồng phạm khác gây thương tích cho ông Q1 là để trả thù giúp ông H. Bị cáo được Phòng Hồ sơ Nghiệp vụ Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác nhận là người chưa có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân vào ngày 27/01/2011, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số 09/2011/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2013, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 10/3/2011 và đã được xóa án tích. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm kinh nghiệm cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân tốt mà khi xảy ra mâu thuẫn lại hành xử một cách thiếu văn hóa, manh động và có tính chất côn đồ, hung hãn; trong vụ án này, xác định bị cáo chính là người giúp sức về tinh thần cùng các đồng phạm khác gây nên thương tích với tỉ lệ tổn

thương cơ thể cho bị hại là 13% (mười ba phần trăm). Cho dù, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích ở trên và bản thân bị hại cũng có một phần lỗi, chính bị hại trước đây đã đánh ông H là anh họ của bị cáo và khi nhìn thấy nhau từ xa còn ngoắc tay ra hiệu để thách thức nhóm của bị cáo trước, làm cho bị cáo và đồng phạm bức xúc nên đã đuổi đánh bị hại đến cùng nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn và bị cơ quan tiến hành tố tụng truy nã, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án nên đây chính là thái độ thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, xét tính chất, vai trò và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thì không thể áp dụng xử mức án dưới khung hình phạt quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo mà cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng tất cả đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292, Điều 293 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường (bao gồm tất cả các khoản) theo thỏa thuận là 28.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 (một) dao dài 30cm, cán bằng nhựa màu đen dài 11,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 18,5cm, bản rộng 3,7cm, trên dao có nhiều dấu vết màu nâu đỏ (nghĩ là máu); 01 (một) dao Thái Lan dài 21,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5cm, bản rộng 1,9cm, mũi nhọn, trên dao có nhiều dấu vết màu nâu đỏ (nghĩ là máu); 01 (một) dao Thái Lan dài 21,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5cm, mũi nhọn; 01 (một) dao Thái Lan dài 22,5cm, cán bằng nhựa màu vàng phía trên có chữ KIWI-BRAND-MADE IN THAILAND dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5cm; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu Xanh-Đen, biển số 72L4-42..., số khung 9037Y2762..., số máy C09E 53763... và 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có chứa 01 (một) USB Kingston, DT 101 G2, màu xanh.

Tất cả các vật chứng trên đã được xem xét, giải quyết và xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST, ngày 09/6/2023 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

- 01 (một) dao Thái Lan dài khoảng 20cm, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại do bị cáo T sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội. Trong quá trình bỏ trốn, bị cáo đã vứt bỏ, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng đến nay không tạm giữ được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[7] Các vấn đề khác: Đối với 03 người thanh niên tên C, T3 và C1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Tất cả hành vi của những người này, đã được Hội đồng xét xử xem xét, xử lý và đề nghị xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST, ngày 09/6/2023 nên không xem xét, giải quyết.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: BT) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (BT) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 16/12/2023).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST, ngày 09/6/2023.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T (BT) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQCS Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND xã P, huyện L;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến